TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 126/2018/HSST.

Ngày: 04/10/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HCM.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng S.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lại Hữu Tâm

2/ Ông Phan Văn Huynh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Lại Thế Mạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 127/2018/TLST - HS ngày 30/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2018/QĐXXST – HS ngày 17/9/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Trung H** (tên gọi khác: Bi); Giới tính: Nam; Sinh năm 1994; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKHKTT: A2/1A ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Như trên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Trần Trung T, sinh năm 1971; Họ tên mẹ: Đặng Thị Thanh K, sinh năm 1976; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1994 và có 01 người con chung sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/8/2014, bị Toà án nhân dân Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án số 272/2014/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/01/2015 theo Giấy chứng nhận số 29/GCN của Giám thị trại giam Thủ Đức, đóng án phí sơ thẩm thẩm vào ngày 16/9/2015; Tạm giữ, tạm giam ngày 11/5/2018.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thành Xuân V**; Sinh năm 1985; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKHKTT: A3/34 ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Như trên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên

chúa giáo; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Nguyễn Thành T (Chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; Hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Hà Huệ D, sinh năm 1983; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 06/7/2006, bị Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ", tại Bản án số 103/2006/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/01/2006, đóng án phí xong ngày 20/3/2007.

Ngày 04/10/2011, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 24 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý", theo Quyết định số 6800/QĐ – UBND.

Ngày 08/3/2018, bị Công an quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt giam về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"; Tạm giữ, tạm giam ngày 08/3/2018.

(Các bị cáo có mặt tại toà).

Bị hại: Ông Phạm Quốc H, sinh năm 1975; Nơi ĐKHKTT: 5H33/3 ấp 5, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất – TH Mai - Dịch vụ B; Địa chỉ: G16/108 ấp 7, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có ông Trần Hồng S, sinh năm 1968; Nơi ĐKHKTT: G16/108 ấp 7 xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

2. Ông Đặng Hải B, sinh năm 1973; Nơi ĐKHKTT: 3B6 ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: B19/405G ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

4. Bà Đặng Hải Thu S, sinh năm 1969; Nơi ĐKHKTT: 3B7 ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; Nơi ĐKHKTT: A3/34 ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

6. Bà Quan Thu N, sinh năm 1980; Nơi ĐKHKTT: 25 Trần Hưng Đạo, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Ông Trần Trung T, sinh năm 1971; Nơi ĐKHKTT: A2/1A ấp 1, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2017, Trần Trung H phát hiện tại bãi đất trống tại công trình xây dựng cạnh địa chỉ D6/4, ấp 4, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (sau đây gọi tắt là công trình xây dựng) do ông Phạm Quốc H làm chủ có để một số sắt chữ I loại để

xây dựng nhà xưởng, bên ngoài có khóa cổng và không có người trông coi. Do cần tiền để tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên H nảy sinh ý định trộm cắp số sắt trên. Để thực hiện hành vi phạm tội H đã điện thoại rủ bạn là Nguyễn Thành Xuân V cùng thực hiện với mình, cụ thể các lần như sau:

Vụ thứ nhất:

Ngày 06/02/2018, Trần Trung H sử dụng điện thoại sim số 0121.783.5223 rủ Nguyễn Thành Xuân V đi lấy trộm tài sản thì V đồng ý. Khoảng 21 giờ ngày 07/02/2018, H hẹn gặp V ở nhà H, sau đó V điều khiển xe Wave màu đỏ biển số 59N2-271.49 chở H đi đến công trình xây dựng. Tại đây, H nhặt một cục đá xanh để đập bung ổ khóa cửa của công trình rồi đi vào bên trong quan sát, thấy có số lượng lớn sắt chữ I để ở giữa sân của công trình nên H quay ra nói cho V biết. Do thấy sắt nặng không lấy trộm ngay được nên H bàn với V đi ra ngoài mua một ổ khóa mới khóa cổng lại để hôm sau kêu xe cẩu tới lấy trộm sắt, V đồng ý. Sau khi mua ổ khóa để khóa cửa công trình lại, cả hai hẹn nhau trưa ngày 08/02/2018 quay lại công trình lấy trộm sắt và mỗi người giữ một chìa khóa cửa. Đến khoảng 13 giờ ngày 08/02/2018, V điều khiển xe mô tô biển số 59N2 – 271.49 qua nhà chở H đến công trình để lấy trộm tài sản. Khi cả hai đi trên đường Trần Đại Nghĩa thuộc ấp 7 xã Lê Minh Xuân thì H nhìn thấy xe cẩu biển số 57K – 7727 đang lưu thông cùng chiều nên H kêu tài xế (không rõ lai lịch) dừng xe và hỏi thuê xe chở sắt với giá 200.000 đồng/tấn, tài xế đồng ý và điều khiển xe theo sau. Khi đến nơi, H đứng ngoài cảnh giới, V dùng chìa khóa mở khóa cổng công trình để xe cẩu vào bên trong cẩu một số sắt chữ I lên xe. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở V dẫn đường cho xe cẩu đến trạm cân và bãi thu mua phế liệu B, địa chỉ G16/108, ấp 7, xã Lê Minh Xuân do ông Trần Hồng S làm chủ để cân số sắt lấy trộm được có trọng lượng 2.250 kg và ông S đồng ý mua với giá 7.400 đồng/kg. Ông S thanh toán cho H số tiền 16.650.000 đồng. H chia cho V 7.900.000 đồng, trả tiền thuê xe cẩu 1.000.000 đồng, còn lại 7.750.000 đồng H giữ.

Kết quả định giá tài sản số 612/HĐĐGTS-TTHS-HBC ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định giá trị 2.250 kg sắt bị mất trộm vào ngày 08/02/2018 trị giá 28.800.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng 16 giờ ngày 09/02/2018, H thuê xe ba gác máy (không rõ biển số, không rõ lai lịch người điều khiển) đến công trình xây dựng lấy trộm 10 bộ dàn giáo xây dựng và mang đến địa chỉ 3B6 ấp 3 xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh bán cho ông Đặng Hải B với số tiền 3.000.000 đồng.

Kết quả định giá tài sản số 612/HĐĐGTS-TTHS-HBC ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định giá trị 10 bộ dàn giáo cũ, bị rỉ sét đã qua sử dụng trị giá 1.680.000 đồng.

Vụ thứ ba:

Vào khoảng 9 giờ ngày 10/02/2018, H điện thoại kêu tài xế xe cẩu 57K – 7727 tiếp tục đến công trình xây dựng để chở sắt và tài xế đồng ý. Sau đó, H điện thoại rủ V quay lại công trình để lấy trộm sắt, V đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 59N2 – 271.49 đến nhà chở H. Khi cả hai đến công trình, H đứng ngoài cảnh giới để V mở ổ khóa cổng của công trình để xe cẩu vào trong lấy sắt. Sau đó, H và V dẫn đường cho tài xế xe cẩu chở sắt đến cơ sở B như lần trước. Tại đây cân 4.230 kg và bán số sắt này cho

ông Trần Hồng S với giá 7.300 đồng/kg. Ông S thanh toán cho H số tiền 30.879.000 đồng. H nhận tiền và chia lại cho V 15.000.000 đồng, trả tiền thuê xe 1.000.000 đồng, còn lại 14.879.000 đồng H giữ. Sau khi cùng với H thực hiện hai vụ trộm cắp nêu trên, V nói với H sẽ không tham gia lấy trộm tài sản nữa.

Kết quả định giá tài sản số 612/HĐĐGTS-TTHS-HBC ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định giá trị 4.230 kg sắt bị mất trộm vào ngày 10/02/2018 trị giá 54.144.000 đồng.

Vụ thứ tư:

Vào khoảng 9 giờ ngày 13/02/2018, H đi đến dịch vụ xe cẩu Minh Tâm, địa chỉ ấp 2, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh thuê một xe cẩu với giá 1.000.000 đồng đến công trình xây dựng trên để tiếp tục lấy trộm sắt. Sau khi cẩu được một số sắt lên xe, H điện thoại cho ông Đặng Hải B hỏi bán số sắt trên và ông Bình đồng ý mua với giá 6.000 đồng/kg. H dẫn đường xe cẩu đến trạm cân Phong Du trên đường Tỉnh lộ 10, ấp 5, xã Phạm Văn Hai cân được 4.280 kg, sau đó mang số sắt này đến bãi đất trống cạnh địa chỉ 3B7, ấp 3, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh do bà Đặng Hải Thu S làm chủ để giao cho ông Bình. Do không đủ tiền nên ông Bình thanh toán cho H làm 04 lần (lần 1: 8.000.000 đồng, lần 2: 10.000.000 đồng, lần 3: 5.000.000 đồng, lần 4: 2.000.000 đồng) với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, ông Bình còn thiếu lại 500.000 đồng.

Kết quả định giá tài sản số 612/HĐĐGTS-TTHS-HBC ngày 19/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định giá trị 4.280 kg sắt bị mất trộm vào ngày 13/02/2018 trị giá 54.784.000 đồng.

Ngày 27/02/2018 Trần Trung H và Nguyễn Thành Xuân V đến Công an xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh đầu thú. Công an xã củng cố chứng cứ, lập hồ ban đầu chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh để điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh thì Trần Trung H và Nguyễn Thành Xuân V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án gồm: 11 cây sắt chữ I (loại sắt dùng xây dựng nhà xưởng) với tổng trọng lượng 4.280kg; 21 cây sắt I màu xanh dài 6 mét và 16 cây sắt I màu xanh dài 4 mét có tổng trọng lượng là 6.300 kg trên tổng số 6.480 kg sắt bị lấy trộm; 10 bộ dàn giáo xây dựng đã cũ, rỉ sét. Tất cả các vật chứng này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã trả cho chủ sở hữu là ông Phạm Quốc H vào ngày 10/5/2018.

Đối với 180 kg sắt không thu giữ được là sắt phế liệu cũ mà H và V bán chung với sắt chữ I cho cơ sở B nhưng không lấy ra được. Qua làm việc, ông H không yêu cầu bồi thường và không có nhu cầu lấy lại do số sắt này không còn giá trị sử dụng.

06 phiếu cân xe gồm:

+ 02 phiếu cân xe của cơ sở sản xuất Phong Du (số 563 ngày 22/02/2018 và số 559 ngày 13/02/2018).

+ 02 phiếu cân xe của trạm cân Ba Sơn (số 1249 ngày 10/02/2018 và số 1056 ngày 08/02/2018).

+ 02 phiếu cân xe của trạm cân Ba Sơn (số 1859, 1864 ngày 16/3/2018). Tất cả các phiếu cân xe nêu trên, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Chánh chuyển kèm hồ sơ vụ án.

Đối với điện thoại di động của H cùng sim số 0121.783.5223 dùng để liên lạc với V: Do sợ bị phát hiện nên H đã vứt bỏ sim số trên ở đâu không rõ. Riêng điện thoại di động H bán lại cho người khác (không rõ lai lịch) để lấy tiền tiêu xài. Đối với điện thoại di động của V dùng để liên lạc với H: Do sử dụng điện thoại cũ và sim số khuyến mãi nên không nhớ số, V đã làm mất điện thoại cùng sim số không rõ thời gian và địa điểm trước khi V đến Cơ quan Công an đầu thú nên cả hai điện thoại trên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với 01 ổ khóa hiệu Xefi màu đen, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh tạm giữ, chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 123/CT - VKS ngày 24 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Trung H, Nguyễn Thành Xuân V về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trần Trung H, Nguyễn Thành Xuân V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố các bị cáo. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Xử phạt bị cáo Trần Trung H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; Xử phạt Nguyễn Thành Xuân V từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và xử lý vật chứng theo qui định pháp luật.

Bị hại ông Phạm Quốc H có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn thể hiện ông đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì về dân sự.

Tại toà ông Trần Trung T trình bày: Ông là cha của bị cáo H, sau sự việc xảy ra ngày 23/3/2018, ông và bà Nguyễn Thị H mẹ của bị cáo V có đến Công ty B khắc phục hậu quả, bồi thường cho Công ty B số tiền 47.529.000 đồng; Cùng ngày, ông đã bồi thường khắc phục hậu quả cho ông Đặng Hải B số tiền 28.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H xác nhận lời trình bày của ông Tuấn nêu trên là đúng và bà không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Trung H và Nguyễn Thành Xuân V tại tòa là phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại Phạm Quốc H (BL: 154 – 164); phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Hồng S, Đặng Hải B, Nguyễn Văn V (BL: 167 -175, 178 – 186, 200 – 202); phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, thu giữ vật chứng, kết quả định giá tài sản, khám nghiệm hiện trường, …cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[3] Các bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của ông Phạm Quốc H tại công trình xây dựng ở địa chỉ D6/4 ấp 4, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với các lần trộm cắp tài sản như sau:

Lần thứ 1: Ngày 08/02/2018, bị cáo H rủ bị cáo V trộm của ông H 2.250 kg sắt mang đi bán cho ông Trần Hồng S ở địa chỉ G16/108 ấp 7, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh với giá 7.400 đồng/kg, được tổng số tiền 16.650.000 đồng. H chia cho V 7.900.000 đồng, trả tiền thuê xe cẩu 1.000.000 đồng, còn lại 7.750.000 đồng H giữ. Theo kết quả định giá thì 2.250 kg sắt có giá trị là 28.800.000 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 09/02/2018, chỉ một mình bị cáo H thuê xe ba gác máy (không rõ biển số, không rõ lai lịch người điều khiển) đến công trình xây dựng lấy trộm của ông H 10 bộ dàn giáo xây dựng và mang đến địa chỉ 3B6 ấp 3 xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh bán cho ông Đặng Hải B với số tiền 3.000.000 đồng. Theo kết quả định giá thì 10 bộ dàn giáo cũ, bị rỉ sét đã qua sử dụng có giá trị là 1.680.000 đồng.

Lần thứ 3: Cũng cách thức và thủ đoạn trên, vào khoảng 09 giờ ngày 10/02/2018, bị cáo H điện thoại rủ V đến công trình trên trộm của ông H 4.230 kg và mang bán số sắt này cho ông Trần Hồng S với giá 7.300 đồng/kg với số tiền 30.879.000 đồng. H chia cho V 15.000.000 đồng, trả tiền thuê xe 1.000.000 đồng, còn lại 14.879.000 đồng H giữ. Theo kết quả định giá tài sản thì 4.230 sắt có giá trị là 54.144.000 đồng.

Lần thứ 4: Vào khoảng 09 giờ ngày 13/02/2018, chỉ một mình bị cáo H đi đến dịch vụ xe cẩu Minh Tâm, địa chỉ ấp 2, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh thuê một xe cẩu với giá 1.000.000 đồng đến công trình xây dựng trên trộm của ông H 4.280 kg mang bán cho ông Đặng Hải B với giá 6.000 đồng/kg. Ông Bình thanh toán cho bị cáo H làm 04 lần (lần 1: 8.000.000 đồng, lần 2: 10.000.000 đồng, lần 3: 5.000.000 đồng, lần 4: 2.000.000 đồng) với tổng số tiền là 25.000.000 đồng, ông Bình còn tH lại 500.000 đồng. Theo kết quả định giá tài sản thì 4.280 kg sắt có giá trị là 54.784.000 đồng.

[4] Với những tình tiết được chứng minh trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Trung H và Nguyễn Thành Xuân V đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm được qui định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phồ Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[5] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài, mua ma tuý sử dụng cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động nên bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm các bị cáo thực hiện là nguy hại cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội. Do đó, khi lượng hình buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian phù hợp với hành vi phạm tội, nhân thân, lai lịch của các bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Tài sản các bị cáo H và V trộm cắp ngày 10/02/2018 và bị cáo H trộm cắp vào ngày 13/02/2018 có giá trị trên 50 triệu đồng đồng. Do đó, cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử các bị cáo là phù hợp.

[7] Ngoài tình tiết định khung hình phạt nêu trên thì trong 04 lần trộm cắp nêu trên thì có 03 lần vào các ngày 08/02/2018, 10/02/2018 và ngày 13/02/2018 tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng là thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên; đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử các bị cáo là phù hợp.

[8] Về nhân thân các bị cáo:

[9] Đối với bị cáo H: Ngày 20/8/2014, bị Toà án nhân dân Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án số 272/2014/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/01/2015 theo Giấy chứng nhận số 29/GCN của Giám thị trại giam Thủ Đức, đóng án phí sơ thẩm thẩm vào ngày 16/9/2015. Bị cáo giữ vai trò chủ mưu, rủ rê và tham gia 04 lần trộm cắp nên khi lượng hình mức án của bị cáo sẽ cao hơn bị cáo V là phù hợp.

[10] Đối với bị cáo V: Có nhân thân rất xấu, cụ thể: Ngày 06/7/2006, bị Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ", tại Bản án số 103/2006/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/01/2006, đóng án phí xong ngày 20/3/2007; Ngày 04/10/2011, bị Chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 24 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma tuý", theo Quyết định số 6800/QĐ – UBND. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử cần lưu ý đến nhân thân của bị cáo mà có mức án phù hợp với hành vi phạm tội và nhân thân, lai lịch của bị cáo.

[11] Đối với hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" của bị cáo V xảy ra vào ngày 08/3/2018, bị Công an quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt giam để điều tra xử lý theo thẩm quyền về hành vi này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12] Ngoài ra, ông Phạm Quốc H có trình báo mất thêm một số sắt chữ I mới nhưng không rõ trọng lượng và một số bảng mã sắt trị giá khoảng 147.000.000 đồng nhưng không cung cấp được hóa đơn, chứng từ liên quan đến số tài sản bị mất nêu trên nên không có đủ cơ sở xác định ông H bị mất số tài sản này. Đồng thời, trong quá trình điều tra không có căn cứ xác định bị cáo H và V có liên quan đến số tài sản bị mất này nên không có cơ sở xử lý, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[13] Đối với ông Trần Hồng S và ông Đặng Hải B có hành vi mua lại số sắt và dàn giáo từ Trần Trung H và Nguyễn Thành Xuân V. Tuy nhiên ông S và ông B không biết số tài sản này do phạm tội mà có nên hành vi của ông S và ông Bình không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[14] Đối với ông Nguyễn Văn V tài xế xe cẩu biển số 51C – 831.38, có hành vi chở sắt do các bị cáo thuê. Tuy nhiên, ông V không biết số sắt này do các bị cáo lấy trộm mà có nên không có cơ sở để xử lý về hành vi này, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[15] Đối với tài xế lái xe cẩu biển số 57K – 7727: Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu xe cẩu là bà Quan Thu N, tuy nhiên bà Nghi đã bán xe cẩu này lại cho Công ty TNHH Sắt thép Đông Dương vào năm 2011. Qua xác minh, hiện Công ty không còn quản lý, sử dụng xe cẩu trên, đồng thời do tài xế lái xe cẩu biển số 57K – 7727 không rõ lai lịch nên không có cơ sở điều tra xử lý. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[16] Đối với bà Đặng Hải Thu S là chủ khu đất trống cạnh địa chỉ 3B7, ấp 3, Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh: Qua làm việc, bà Sương cho biết đã cho ông Thanh (không rõ lai lịch, cư ngụ Quận 6) thuê khu đất trên với giá 4.000.000 đồng/tháng để thu mua và phân loại phế liệu (hợp đồng không có giấy tờ). Đồng thời, việc ông Đặng Hải B sử dụng khu đất trống này để chứa 11 thanh sắt mua lại từ H và V, bà Sương không biết nên không có cơ sở xử lý. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[17] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần cân nhắc đến các tình tiết các bị cáo thành khẩn khai báo và đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản kịp thời thu hồi giao trả cho bị hại một phần, gia đình các bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường lại cho những người liên quan đến vụ án là ông S số tiền 47.529.000 đồng; bồi thường lại cho ông Bình số tiền 28.000.000 đồng. Xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt được qui định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[18] Vật chứng của vụ án:

[19] Đối với xe mô tô biển số 59N2 – 271.49, quá trình xác minh do bà Nguyễn Thị H là mẹ của Nguyễn Thành Xuân V đứng tên đăng ký xe. Việc V sử dụng xe làm pH tiện để thực hiện hành vi phạm tội bà H không biết nên không có lỗi, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm thủ tục giao trả xe này lại cho bà H theo qui định pháp luật (BL: số 216-218).

[20] Đối với 11 cây sắt chữ I (loại sắt dùng xây dựng nhà xưởng) với tổng trọng lượng 4.280kg; 21 cây sắt chữ I màu xanh dài 6 mét và 16 cây sắt chữ I màu xanh dài 4 mét có tổng trọng lượng là 6.300 kg trên tổng số 6.480 kg sắt bị lấy trộm; 10 bộ dàn giáo xây dựng đã cũ, rỉ sét. Tất cả các vật chứng này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã làm thủ tục giao trả cho chủ sở hữu là ông Phạm Quốc H vào ngày 10/5/2018. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[21] Đối với 180 kg sắt không thu giữ được là sắt phế liệu cũ mà H và V bán chung với sắt chữ I cho cơ sở B nhưng không lấy ra được. Qua làm việc, ông H không yêu cầu bồi thường và không có nhu cầu lấy lại do số sắt này không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[22] Đối 06 phiếu cân xe gồm:

+ 02 phiếu cân xe của cơ sở sản xuất Phong Du (số 563 ngày 22/02/2018 và số 559 ngày 13/02/2018) (bút lục số 107, 108).

+ 02 phiếu cân xe của trạm cân Ba Sơn (số 1249 ngày 10/02/2018 và số 1056 ngày 08/02/2018) (bút lục số 115, 116).

+ 02 phiếu cân xe của trạm cân Ba Sơn (số 1859, 1864 ngày 16/3/2018) (bút lục số 124, 125), sẽ tiếp tục bảo lưu hồ sơ vụ án theo qui định pháp luật.

[23] Đối với điện thoại di động của H cùng sim số 0121.783.5223 dùng để liên lạc với V: Do sợ bị phát hiện nên H đã vứt bỏ sim số trên ở đâu không rõ. Riêng điện thoại di động H bán lại cho người khác (không rõ lai lịch) để lấy tiền tiêu xài. Đối với điện thoại di động của V dùng để liên lạc với H: Do sử dụng điện thoại cũ và sim số khuyến mãi nên không nhớ số, V đã làm mất điện thoại cùng sim số không rõ thời gian và địa điểm trước khi V đến Cơ quan Công an đầu thú nên cả hai điện thoại trên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[24] Đối với 01 ổ khóa hiệu Xefi màu đen, xét không có giá trị sử dụng sẽ tịch thu tiêu huỷ theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[25] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[26] Đối với ông Trần Hồng S, ông Đặng Hải B đã được gia đình các bị cáo khắc phục hậu quả nên không yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[27] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định tại tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Trần Trung H và Nguyễn Thành Xuân V cùng phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Trung H.

Xử phạt bị cáo Trần Trung H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2018.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thành Xuân V.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Xuân V 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2018.

Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu huỷ 01 ổ khóa hiệu Xefi màu đen (vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao, nhận vật chứng được lập vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 24/7/2018).

Bảo lưu hồ sơ vụ án: 06 phiếu cân xe gồm: 02 phiếu cân xe của cơ sở sản xuất Phong Du (số 563 ngày 22/02/2018 và số 559 ngày 13/02/2018); 02 phiếu cân xe của trạm cân Ba Sơn (số 1249 ngày 10/02/2018 và số 1056 ngày 08/02/2018); 02 phiếu cân xe của trạm cân Ba Sơn (số 1859, 1864 ngày 16/3/2018).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và đương sự có mặt tại toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận toàn sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án TPHCM;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Chi cục thi hành án DS H. Bình Chánh;
- Sở Tư pháp, Tp.HCM;
- Công an PC53;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng S